

SỰ TRAO QUYỀN CHO NGƯỜI PHỤ NỮ: TỪ GÓC NHÌN PHẬT GIÁO SƠ KHAI

PGS.TS Meena Charanda⁽¹⁾

TÓM TẮT

Bài viết này là một nỗ lực để nghiên cứu khía cạnh trao quyền cho người phụ nữ được miêu tả trong Phật giáo và xem xét vai trò của họ trong đạo Phật. Bài viết nghiên cứu tài liệu hiện có về chủ đề này và hi vọng đóng góp vào con đường nghiên cứu mới với sự giúp đỡ của văn học Tiểu thừa. Đức Phật là người thầy tôn giáo đầu tiên đã mang đến cho người phụ nữ những cơ hội bình đẳng và tự do trong phạm trù phát triển tâm linh. Ngài thực sự mở đường cho người phụ nữ có một cuộc sống tôn giáo trọn vẹn. Đức Phật không phải là một nhà cải cách nhưng ông đã thu nhận các nữ Phật tử vào trật tự tu viện. Khái niệm trao quyền của Phật giáo cho thấy rằng một người phụ nữ muốn trao quyền cho bản thân không chỉ nhận ra tiềm năng và bản chất thực sự của mình mà còn phải tự nỗ lực để đạt được mục tiêu cá nhân. Đức Phật giúp người phụ nữ hội đủ điều kiện Phật quả khi mở cổng cho họ và thành lập các Tăng đoàn Tỳ kheo ni. Một số nữ tu và nữ cư sĩ là một trong những đệ tử khôn ngoan và thông thái nhất. Theo ghi chép trong Tăng, có sự xen kẽ tự do của các tu sĩ nam nữ. Nghiên cứu hiện tại sẽ phân tích quan điểm của Phật giáo về việc trao quyền cho phụ nữ với tài liệu tham khảo đặc biệt về Phật giáo buổi sơ khai.

1. GIỚI THIỆU

Liên Hợp Quốc đã phát triển các Mục tiêu Phát triển Thiên niên

1. Department of Political Science, Kalindi College, University of Delhi, Delhi-110008 India. Người dịch: Nguyễn Kỳ Mai Anh

kỹ (MDG) cho sự phát triển gắn kết của xã hội. Mục tiêu 3 của MDG thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. MDG tập trung vào giáo dục phụ nữ để loại bỏ sự bất bình đẳng giới tính và chỉ ra rằng các nước đang phát triển bao gồm Ấn Độ nói chung phải đạt được mục tiêu xóa bỏ bất bình đẳng giới tính trong giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Phụ nữ ở Ấn Độ tiếp tục trải qua những thiệt thòi đáng kể trong phương diện nghèo đói, thị trường lao động và lương bổng, cũng như khi tham gia vào việc ra quyết định của cộng đồng và cá nhân. Trao quyền liên quan đến việc nâng cao năng lực của một cá nhân để hiểu biết, hành động và tận hưởng. Trao quyền mang lại sự tự tin, nhận thức, tính cơ động, khả năng lựa chọn và khả năng kiểm soát tất cả các loại tài nguyên và trên hết là sở hữu quyền quyết định. Trao quyền có thể đạt được thông qua việc phát triển các mô hình vai trò tích cực. Nhu cầu trao quyền cho các cá nhân là rất quan trọng để xác định nhu cầu thực sự và phù hợp, khuyến khích cam kết, đảm bảo tính bền vững và phát triển cá nhân và khắc sâu lòng tự trọng và cơ hội bình đẳng để chia sẻ quyền lực. Mục đích của việc trao quyền nhằm để thay đổi xã hội thông qua sự thay đổi của các cá nhân. Khi một cá nhân được trao quyền, họ có thể thay đổi và tác động vào xã hội theo những cách khác nhau. Ví dụ, giáo dục được coi là phương tiện trao quyền chính. Trao quyền kinh tế liên quan đến việc loại bỏ sự bất an, phát triển các kỹ năng và kiểm soát các nguồn lực và quá trình ra quyết định.

Việc trao quyền cho phụ nữ được khởi xướng trong thời kỳ Phật giáo trong khi ở thời kỳ tiền Phật giáo đã có mầm mống giải thích về việc trao quyền cho phụ nữ. Vai trò của phụ nữ đã được đề cập trong văn hóa Vệ đà, sử thi của Ramayana và Mahabharata. Phụ nữ trong các xã hội này không được coi trọng trong lĩnh vực cốt lõi của xã hội và vấn đề nâng cao tiềm năng của họ không phát sinh. Những người phụ nữ trong gia đình là một đơn vị bao gồm cha mẹ, mẹ, con dâu, chồng, vợ con. Các thành viên trong gia đình đã sử dụng sự cân bằng và quyền lực và kiểm soát hành vi của cô ấy với các thành viên khác trong gia đình, trong quá trình ra quyết định và điều hành các hoạt động hàng ngày.

Việc trao quyền cho phụ nữ trong thời kỳ Phật giáo cần xem xét các cân nhắc sau đây như quan điểm của phụ nữ về bản thân, quan điểm của người phụ nữ về xã hội và quan điểm của xã hội về người phụ nữ.

2. VỊ THẾ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VÀ PHẬT GIÁO

Vị thế của phụ nữ trong xã hội được phân tích thông qua vị trí của cô ấy như một cá nhân, vị trí trong gia đình, vị trí trong việc ra quyết định và vị trí trong xã hội. Phụ nữ trong khả năng cá nhân và sự được trao quyền ở cấp độ cá nhân của cô ấy nâng cao tất cả các loại năng lực của cá nhân về tinh thần, kinh tế, xã hội và đạo đức. Sự tự tin của người phụ nữ đã phát triển những năng lực này và giúp họ hình thành lòng tự trọng. Bản chất của lòng tự trọng thúc đẩy cô ấy đưa ra quyết định của riêng mình và tăng cường mối quan hệ với xã hội. Để hiểu được việc trao quyền cho người phụ nữ như một cá nhân trong giai đoạn này, chúng ta nên phân tích năng lực tổng thể của người phụ nữ trong việc chuyển đổi sự độc lập về tinh thần, kinh tế của họ và cho phép họ tham gia vào việc đưa ra các quyết định.

Việc phân tích các tài liệu hiện có như “Purizertha và khác” giải thích địa vị của người phụ nữ trong xã hội tại thời điểm bắt nguồn của Phật giáo. Phụ nữ trong khả năng cá nhân trong gia đình được phân tích thông qua các khía cạnh tinh thần, kinh tế, xã hội và tôn giáo cá nhân. Phân tích của Purizertha về cá nhân được giải thích như sau: có bốn mục tiêu của cuộc sống con người: đó là Pháp, Artha, Kama và Moksa. Địa vị, vị thế của người phụ nữ liên quan đến Pháp, là không đáng kể. Người ta cho rằng người phụ nữ không cần tiền vì cô ấy được chăm sóc bởi cha, chồng hoặc con trai. Trong thực tế, phụ nữ không có vị trí quan trọng như liên quan đến artha. Phụ nữ không có quy định để đạt được các nguồn lực kinh tế và kết quả là, hiếm có cơ hội trao quyền cho phụ nữ tại thời điểm đó. Khái niệm về Moksa liên quan trực tiếp đến việc đạt được kiến thức và phụ nữ thời kỳ này nói chung bị tước bỏ kiến thức và giáo dục. Kết quả là, việc phụ nữ được trao quyền trong Moksa, bị thất bại. Lịch sử của thời kỳ đó đã không tôn vinh sự thành đạt của phụ nữ của Moksa. Nhìn chung, những người phụ nữ trong thời kỳ này đã bị ảnh hưởng bởi Pháp, Artha và Moksa và chỉ được coi là dành cho Kama. Phụ nữ chủ yếu được coi là niềm vui nhục dục đối với chồng và đáp ứng xu hướng kama trong xã hội.

Khái niệm hôn nhân được coi là một bí tích tôn giáo hay tiếng Phạn xây dựng mối quan hệ nam nữ thành một mối quan hệ xã hội và một mối quan hệ tình cảm. Vị thế này đã được người phụ nữ đón nhận và cô ấy hết sức cẩn thận trong việc thực hiện vai trò của mình như một người vợ và sinh con trai. Điều này phản ánh vị thế của phụ nữ trong gia đình và coi vị trí của người phụ nữ là một đối tác thực sự trong tất cả các hoạt

động của họ bao gồm cả sự hy sinh tôn giáo. Nó phản ánh ánh sáng trên xã hội rằng phụ nữ có nghĩa là chấp nhận bất công, bóc lột và sự đàn áp phụ nữ dựa trên sự phân biệt đối xử về tình dục. Bản chất của xã hội coi đàn ông và phụ nữ là được xây dựng từ nhu cầu của xã hội, trong đó phụ nữ đóng vai trò làm mẹ, một cá nhân tử bi, tha thứ, v.v ... Theo cách này, tiêu chí trao quyền cũng như hiểu biết về nữ quyền về các khái niệm, học thuyết và suy nghĩ trong triết học xã hội và đạo đức Ấn Độ cho thấy phụ nữ thuộc thời đại tiền Phật giáo không được trao quyền. Nhìn chung, tại thời điểm bắt đầu của Phật giáo, khái niệm về người phụ nữ được trao quyền ít khi được nhắc đến còn ý định thực hành trao quyền thì không bao giờ được thực hiện trong xã hội cũ. Kết quả là, người phụ nữ đã không được xem có bất kỳ tầm quan trọng nào trong gia đình và câu hỏi về việc nâng cao năng lực cho họ nâng cao năng lực cũng chưa được đề ra.

3. ĐỊA VỊ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG THỜI KỲ PHẬT GIÁO

Triết lý của Phật giáo không xây dựng trực tiếp khái niệm trao quyền cho phụ nữ. Nhưng các chi tiết của các văn bản Phật giáo đã đề cập đến những người phụ nữ trong xã hội cho phép nói rõ khái niệm Phật giáo về trao quyền cho phụ nữ. Triết lý Phật giáo nhấn mạnh vào việc tự thực hiện của phụ nữ và sự tham gia tích cực của cô ấy vào việc ra quyết định trong đời sống xã hội và cá nhân của cô ấy: tất cả những việc ấy chính là việc trao quyền cho phụ nữ. Sự phát triển toàn diện của người phụ nữ làm nổi bật sự phát triển xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị, tinh thần và tinh thần. Điều đó cũng xây dựng thêm việc người phụ nữ nhận ra năng lực và sức mạnh của chính mình, giúp bản thân vượt qua các rào cản văn hóa và xã hội và tăng cường hơn nữa sự tham gia tích cực của cô ấy vào việc ra quyết định liên quan đến cô ấy và gia đình. Triết lý Phật giáo nhấn mạnh rằng việc trao quyền không phải là thứ gì đó bên ngoài đối với cô ấy mà nó được xây dựng trong cô ấy và nó phải được khai quật để thực hiện tự giác.

Việc tự thực hiện của người phụ nữ có liên quan đến việc hiện thực hóa các khả năng trao quyền khác nhau và hiện thực hóa nó liên quan đến ứng dụng của họ trong xã hội nơi phụ nữ cũng như xã hội có vai trò quan trọng. Việc hiện thực hóa sự tự nhận thức của người phụ nữ chỉ có thể xảy ra khi có sự thay đổi trong thái độ tinh thần của họ và của xã hội. Thay đổi thái độ tinh thần của phụ nữ cho phép cô ấy phá vỡ các rào

cán xã hội và văn hóa và thay đổi thái độ tinh thần của xã hội cho phép xã hội chấp nhận sự tồn tại độc lập của phụ nữ và tạo cơ hội cho phụ nữ và cũng khuyến khích họ có thể khám phá tiềm lực bản thân. Triết lý Phật giáo giải thích thêm về việc phụ nữ tự thực hiện bằng cách phân tích quan điểm của người phụ nữ về bản thân, quan điểm của người phụ nữ về xã hội và quan điểm của xã hội về người phụ nữ.

Điều quan trọng tương tự chính là việc trao quyền cho phụ nữ đạt được thông qua việc tự thực hiện khi có sự phát triển về tinh thần và tâm linh và sự độc lập.

Sự tự nhận thức của phụ nữ khiến cô ấy nhận thức được các thuộc tính, phẩm chất của mình và các quá trình mã hóa và xã hội hóa. Người phụ nữ trong xã hội có sự hiểu biết rõ ràng về bản chất cùng tồn tại sẽ phát triển bản chất toàn diện của xã hội. Đức Phật Gautama qua các bài giảng của mình luôn cố gắng khai sáng cho mọi người về sự bí ẩn của sự khác biệt giới tính. Trong giai đoạn Đức Phật ngày xưa cũng vậy, sự ra đời của nữ nhi không được hoan nghênh. Sự ra đời của cô khiến cha mẹ không hạnh phúc. Có thể là do bố mẹ để cô cho rằng sau khi kết hôn, con gái về nhà chồng thì ai sẽ chăm sóc họ khi về già. Nhưng nếu họ có con trai thì con trai họ vẫn sống với họ ngay cả sau khi kết hôn. Vì vậy, các con trai có thể chăm sóc mình. Chính vì quan niệm này, cha mẹ thích sinh con trai. Đức Phật đã cố gắng loại bỏ quan niệm này khỏi tâm trí của mọi người. Hơn nữa, Đức Phật giải thích rằng không có lý do gì để cảm thấy buồn bã khi sinh con gái. Chẳng hạn, vua Pasenadi không hạnh phúc vào thời điểm sinh ra một cô con gái với Nữ hoàng Mallikā. Ông đã đến gặp Đức Phật để báo tin này và khi Đức Phật quan sát thấy Vua không vui, Ngài giải thích: “Quả thực, một người phụ nữ về mặt đó nào đó tốt hơn một người đàn ông, với những đức tính: khôn ngoan, đức hạnh, một người vợ tận tụy. Người đàn ông sinh ra từ người phụ nữ như vậy là một anh hùng, người cai trị các vùng. Một người con của người vợ tốt là người đã đưa vương quốc của anh ta đi lên (SN.I.86).

4. PHỤ NỮ VÀ TỰ DO PHÁT TRIỂN TÂM LINH

Phật giáo không xem phụ nữ đơn thuần là người sinh con, và không chấp nhận rằng hôn nhân là mục đích duy nhất của phụ nữ. Đó là bởi vì người phụ nữ trưởng thành chưa lập gia đình giữ một vai trò hợp pháp, và cô cũng có thể trở thành nữ tu Phật giáo. Người

ta nói rằng nữ cư sĩ trung thành sẽ khuyến khích con trai duy nhất của mình thi đua với các cư sĩ hay tu sĩ tốt nhất, và con gái duy nhất của cô ấy để mô phỏng các nữ cư sĩ hay nữ tu tốt nhất.

Các tài liệu Phật giáo giải thích về hôn nhân là bản thân cuộc hôn nhân không được tổ chức là bắt buộc như trong trường hợp của văn hóa Vệ đà. Một cuộc sống độc thân không được coi là một cuộc sống lãng phí. Ngay cả một thiếu nữ cũng được phép sống một cuộc sống độc thân và cống hiến hết mình cho các vấn đề thế tục hoặc tâm linh khác. Tấm gương của những người con gái thợ kim hoàn vẫn không kết hôn trong suốt cuộc đời của họ và cống hiến cho việc quản lý các công việc gia đình của họ. Văn bản Phật giáo nói rằng vợ theo chồng luôn được quý trọng trong gia đình. Trong sự lựa chọn nghề nghiệp cho con, vợ có quyền quyết định giống như chồng dành cho đứa trẻ ấy. Những ví dụ này chắc chắn khiến người ta tin rằng tình trạng của phụ nữ trong gia đình đã được cải thiện.

Việc kết hôn sớm trước tuổi dậy thì không được đề cập trong các tài liệu kinh điển. Do đó tuổi kết hôn là mười sáu tuổi. Phụ nữ có quyền tự do hơn trong việc lựa chọn chồng trong thời đại Phật giáo so với các thời kỳ trước. Đức Phật xé bỏ sự tuân thủ của parda (che mặt) và đưa ra phán quyết rõ ràng rằng phụ nữ có toàn quyền trong đời sống tôn giáo độc lập hàng đầu. Phụ nữ có quyền lựa chọn chia sẻ cuộc gọi của chồng họ và gọi bất kỳ lao động sản xuất nào. Vì vậy, họ thường là công cụ mang lại sự thịnh vượng cho ngôi nhà của họ. Sự sắp xếp xã hội này đã làm việc rất tốt trong xã hội Phật giáo. Trong thời đại Phật giáo, hôn nhân không còn là bí tích và thay vào đó trở thành một vấn đề dân sự và trong nước. Đức Phật Gautama tự xuất gia trong những điều khoản không chắc chắn như tàn sát sự sống, trộm cắp, nói dối và ngoại tình.

Phật giáo đã không phân biệt giới tính trong quá trình thuyết pháp. Đức Phật vào thời kỳ giác ngộ đã nói, đó là vì lợi ích của các nhà sư, nữ tu, cư sĩ và nữ cư sĩ và cả bốn nhóm được cho là có tác dụng tương tự đối với sự kiên trì hoặc biến mất của kiến thức và thực hành Phật giáo. Do đó, Sa ~ gha được chiếu sáng bởi một tu sĩ, nữ tu, cư sĩ và nữ cư sĩ đặt được thành tựu trong sự khôn ngoan, kỷ luật và tự tin, v.v. thực hành theo Pháp và cùng một đức tính hay tật xấu dẫn đến địa ngục hay thiên đàng cho một người đàn ông hoặc phụ nữ. Ông nói thêm, phụ nữ có cả những giới hạn tâm linh và sức mạnh tâm linh giống như đàn ông (Harvey, Brian).

Các nữ tu có thể phát triển tâm linh đến cùng mức độ với các nhà sư. Phật giáo nhấn mạnh rằng triết học sẽ không chết cho đến khi ông có các tu sĩ, nữ tu, và cư sĩ, và nữ cư sĩ, người có thể dạy Phật pháp, thiết lập nó, giải thích nó, phân tích nó, và làm cho nó rõ ràng. Phật đã đưa ra những giáo lý giống nhau cho cả nam và nữ, và đôi khi đi ra ngoài để dạy phụ nữ. Đức Phật từ chối lời mời bữa ăn từ một người đàn ông trẻ tuổi giàu có và tự hào, vì anh ta đã chấp nhận lời mời từ triều thần và được vinh danh ngay cả khi những chàng trai trẻ phản đối.

Đức Phật đã đưa ra một cái nhìn mới cho xã hội. Quan điểm của Ngài là hợp lý: đó là xã hội phải đối xử công bằng với phụ nữ. Phật giáo về cơ bản là một tôn giáo đạo đức, giới luật đạo đức đã chạm đến tất cả các tầng lớp bất kể giới tính. Trong thời gian sống của Đức Phật và vào thời Asoka khi Phật giáo đang ở đỉnh cao, địa vị, thân phận của phụ nữ được cải thiện đáng kể. Quan điểm của Đức Phật là tự do và trong việc truyền bá giáo lý của mình, ông đối xử với phụ nữ và đàn ông như nhau. Ngài đã đưa Giáo pháp cho cả hai giới mà không phân biệt. Đây thực sự là một thành tựu lớn đối với phụ nữ vì trong các thế kỷ trước, phụ nữ đã mất cá tính của mình.

5. NỮ PHẬT TỬ, TỶ KHEO NI TÀNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LINH

Từ tôn giáo có nghĩa là Giáo pháp trong triết học của Phật giáo. Phụ nữ có quyền tự do lắng nghe những suy nghĩ của Đức Phật và có quyền tự do đi theo Giáo pháp. Tôn giáo là tôn giáo cá nhân tự do. Phật giáo tin rằng sống đơn thuần không phải là điều tốt nhất nhưng sống ngay chính với sự tự chủ, tâm thanh tịnh, trái tim trong sạch và lương tâm trong sạch là thành tựu tối cao mà nhân loại cần phải phấn đấu. Giáo lý của Phật giáo khẳng định rằng, không có sự khác biệt giữa nam và nữ nếu cả hai đều mạnh về tâm lý. Trong nhiều bài giảng, Đức Phật nói rằng phụ nữ có thể phát triển tâm trí của họ đến mức giải thoát.

Phụ nữ có thể đạt được những thành quả cao nhất như đàn ông và đưa ra ví dụ về *Cul Culavagga*, *Bhikkhuni khandakaiên*. Triết lý Phật giáo đã cố gắng loại bỏ các vị trí thấp của phụ nữ trong xã hội. Khi nghe tin sinh con gái, Quốc vương Kosala đã thất vọng. Đức Phật khuyến khích ông và nói rằng phụ nữ cũng tốt khi họ tu luyện công đức và giải thích rằng: “Những người muốn gắn bó với sự hoàn mỹ, liên tục trong khi sống, sức khỏe tốt, sắc đẹp, trời cao và sinh cao, nên làm công đức, và đánh giá cao sự siêng năng. Siêng năng, phục vụ cho phúc lợi của thế giới này và thế giới khác. Khi

người siêng năng đạt được mục đích của mình, anh ta được gọi là người đàn ông khôn ngoan (SN.S. 127).

Không một người phụ nữ nào có thể chạm đến vùng đất cao của người khôn ngoan một khi bất kỳ ai làm nhục phụ nữ vì cô ta chỉ có “kiến thức hai ngón tay”. “Kiến thức hai ngón tay” ám chỉ việc nấu ăn - khi kiểm tra gạo đã chín đều chưa bằng cách nhấn nó giữa các ngón tay. Sự bác bỏ đã được đề cập trong các văn bản Phật giáo và được đề cập như sau: “Khi tâm trí được hình thành, việc là một người phụ nữ không quan trọng bằng việc tôi có kiến thức và phản ánh giáo lý một cách đúng đắn, cho dù phụ nữ hay đàn ông, bất cứ điều gì miễn là phù hợp với quyền lực của Māra Mũi (SN.S. 163).

Người mẹ nuôi của Đức Phật được kích hoạt bởi cảm giác về phúc lợi tinh thần của cô đã đến gặp Đức Phật và nhờ Ngài cho bà vào Dòng. Đó là một trải nghiệm khá mới mẻ lần đầu tiên đối với Đức Phật Gautama. Một người phụ nữ đã tiếp cận anh ta một cách độc lập với một yêu cầu kết nạp vào tổ chức tôn giáo. Ānanda, đệ tử của Đức Phật, tự mình nhận nhiệm vụ và được Ngài đồng ý. Đức Phật tham khảo ý kiến với Ānanda đã thành lập nhóm của các nữ tu như một tổ chức tôn giáo riêng biệt. Theo cách này, địa vị của phụ nữ đã được nâng lên rất nhiều. Phụ nữ có thể tự mình làm ra số phận và đạt được sự cứu rỗi. Bài thuyết giảng đầu tiên mà Đức Phật giao cho Mahāpajāpatē và các cộng sự của cô là giống như những gì Ngài đã cho những người đàn ông khi họ nhập học theo lệnh của các nhà sư. Bằng bài giảng giống hệt này với các đệ tử nam và nữ, Đức Phật đã quyết định thừa nhận sự bình đẳng của cả hai giới trong phạm vi tôn giáo. Chỉ riêng ở Rajpriha, không dưới sáu ngàn nữ tu với Mahāpajāpatī trong đầu họ đã thực hành khổ hạnh khắc nghiệt với khát khao tâm linh trong lòng. Bản thân giáo viên rất ấn tượng với hành động của họ một cách nghiêm túc đến nỗi nanda, ông buộc phải thừa nhận một lần nữa rằng phụ nữ có khả năng La Hán (Arhatship có nghĩa là hiểu biết sâu sắc về bản chất thực sự của sự tồn tại và đã đạt được niết bàn).

Phụ nữ không còn có thể bị gò bó khi tăng chiều cao. Do đó, chính Đức Phật đã quan tâm và cho phép phụ nữ tham gia vào cuộc sống khổ hạnh và đạt được bất kỳ chiều cao tâm linh nào từ những nỗ lực của chính họ.

Ānanda, đệ tử trung thành của Đức Phật đã đưa vấn đề thừa nhận phụ nữ vào Sa ~ gha và Đức Phật trả lời: Có phải các vị Phật được sinh ra chỉ vì

lợi ích của đàn ông? Không phải Visākha và nhiều người khác đã vào Côi? Lối vào dành cho phụ nữ cũng như nam giới. Do đó, Đức Phật đã ban cho người phụ nữ một địa vị độc lập và đặt cô ta lên một vị thế bình đẳng với đàn ông. Các nguyên tắc nhất quán của Giáo pháp, không thấy sự khác biệt giữa nam và nữ ngoại trừ những điều có thể tồn tại bởi sự ưu việt của đức hạnh. Bước đi của Đức Phật thực sự rất táo bạo, xem xét tình trạng đạo đức đồi trụy của Ấn Độ cổ đại và hệ quả là thân phận thấp kém của người phụ nữ. Rằng cuộc nổi dậy của Phật giáo chống lại điều kiện xã hội và đạo đức đồi trụy này đã chứng minh một thành công được thể hiện bởi Therīgāthā, một tác phẩm chứa những câu thơ được gán cho Bhikkhunis. Rất nhiều trong số những câu này không chỉ đẹp về hình thức mà còn đưa ra bằng chứng về mức độ rất cao của văn hóa tinh thần đó đã đóng một vai trò rất lớn trong lý tưởng Phật giáo về cuộc sống hoàn hảo. Nhiều phụ nữ tham gia trật tự đã trở nên nổi bật vì thành tựu trí tuệ cao cũng như sự nghiêm túc về đạo đức.

Một số nữ tu hay Bhikkhunis đang dạy đàn ông Phật giáo, những người đàn ông. Điều này cho thấy phụ nữ không chỉ thể hiện được những điểm sâu sắc và tinh tế hơn của Giáo pháp mà còn đạt được sự bình an tuyệt vời, là kết quả cuối cùng của sự soi sáng trí tuệ và sự nghiêm túc về đạo đức.

Mahāpajāpatī, Kīsā Gautamī, Somā, Khemā, Uppalvannā và những người khác được công nhận là những nhà hiền triết thành đạt, những nhà hùng biện tài giỏi và thông thái. Subha là một trong những giáo viên nổi tiếng nhất về đức tin cùng với *Mahāprajāpatī* và *PaŌāchārā*. Một trong những nhà hùng biện xuất sắc của tôn giáo là *Khemā*, người cùng với đức vua và nữ hoàng *Mallikā* đã thuyết phục chồng mình là vua *Pasenadi* được chuyển đổi sang đức tin mới của Phật giáo. Tương tự như vậy, *Sāmavati* và *Khemā* đã thành công trong việc thuyết phục chồng của họ lần lượt là *Udayana* và *Bimbisāra* để chấp nhận giáo lý Phật giáo. Ngoài ra, *Sujāta*, *Sigalmātā*, *Bhadda Kundalakesa* đã đạt được La hán. *Subhaddā Nanda Mātā*, *Suppiyā* và *Visākha* là những nữ cư sĩ đạt được các vị trí tôn giáo cao như nữ cư sĩ *Visākha* và các nữ cư sĩ khác với lòng nhiệt thành tôn giáo của họ, đặt nền tảng và nguyên tắc của cộng đồng Phật giáo lâu đời nhất.

Cải cách Phật giáo là một phản ứng đạo đức chống lại một nhà nước tham nhũng của xã hội và đó là điều cần thiết khi các mối quan hệ giữa hai giới cần được bảo vệ cẩn thận. Do đó, các quy tắc nghiêm ngặt đã được đặt ra cho hành vi của Tỳ kheo với phụ nữ và của Tỳ kheo với đàn ông. Đức Phật không làm cho bất kỳ sự khác biệt giữa người

đàn ông và phụ nữ. Nếu ông tôn kính Moggallāna và Sārīputta, ông cũng có lòng kính trọng Khemā, vợ của Vua Bimbisāra và Dhammadinnā, người đứng đầu trong số các Bhikkhunīs đã thuyết giảng Pháp. Không có tôn giáo nào có một người phụ nữ đóng vai trò nổi bật như Visākhā đã làm trong Phật giáo. Phật giáo là một vấn đề tự kiểm soát và tự văn hóa, nó coi mọi cá nhân, dù là đàn ông hay phụ nữ như một tổng thể hoàn chỉnh. Theo đó, Giáo pháp không quan tâm đến những mối quan hệ giữa nam và nữ trong đó một giới được coi là hoàn thành khác.

6. KẾT LUẬN

Khái niệm Phật giáo về việc trao quyền giải thích cho việc trao quyền đích thực cho phụ nữ với tư cách cá nhân và trong xã hội. Sự hiểu biết về việc trao quyền cho phụ nữ trong Phật giáo phân tích rằng một người phụ nữ đã trao quyền cho bản thân trong việc nhận ra bản chất của chính mình và phải nỗ lực đủ để đạt được mục tiêu của mình.

Tóm lại, Phật giáo và nữ quyền là một lĩnh vực đang được quan tâm trong bối cảnh hiện nay. Phật giáo trở thành một lực lượng toàn cầu hóa ngày càng phù hợp tất cả các trường học có sẵn cho phụ nữ xuất gia. Ngày nay, các nguồn kinh điển khác nhau có thể đưa ra một quan niệm mơ hồ về phụ nữ, và thực tiễn và thái độ phân biệt đối xử vẫn còn tồn tại ở các quốc gia Phật giáo và bao gồm cả Ấn Độ. Vẫn có những nghi ngờ về tính chính xác của kinh sách, cũng như sự sai lệch của họ được nhìn qua lăng kính mờ đục của mỗi nền văn hóa khi Phật giáo kết hợp nhiều tín ngưỡng và chuẩn mực văn hóa hiện có khi nó lan truyền khắp các vùng khác nhau. Tuy nhiên, thiên không chỉ là giai đoạn cao nhất và quan trọng nhất của Con đường lập thể Phật giáo mà còn là khía cạnh thực tế, kinh nghiệm và giáo dục của nó, luôn luôn mở ra cho mọi người để thử nghiệm. Giáo pháp thúc đẩy việc xóa bỏ mọi thái độ tiêu cực và quan điểm sai lầm là không có giới tính ở cốt lõi nguyên sơ và biến đổi của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Harvey, Brian, Peter; *An introduction to Buddhist ethics: foundations, values, and issues*, p. 357.

SN.S. 127. ‘Itthīpi hi ekacciyā, seyyā posa janādhipa; Medhāvinī sīlavatī, sassudevā patibbatā. Tassā yo jāyati poso, sūro hoti disampati; Tādisā subhagiyā putto, rajjampi anusāsati”ti.

SN.S. 163. Itthibhāvo kiṃ kayirā, cittamhi susamāhite; Ñāṇamhi vattamānamhi, sammā dhammaṃ vipassato. Yassa nūna siyā evaṃ, itthāhaṃ purisoti vā; Kiñci vā pana aññasmi [asmīti, taṃ māro vattumarahati”ti.

SN.I.86. Itthīpi hi ekacciyā, seyyā posa janādhipa; Medhāvinī sīlavatī, sassudevā patibbatā. Tassā yo jāyati poso, sūro hoti disampati. Tādisā subhagiyā putto, rajjampi anusāsati”ti.

